TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2018/QĐST- HNGĐ	*Đ, ngày 15 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 01/2017/TLST – HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh **Phạm Anh T**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phạm Anh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phạm Anh T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị T và anh T có 03 con chung là: Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 20/10/1992; Phạm Tấn V, sinh ngày 01/5/1995 và Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 08/7/2003. Hiện nay, cháu T và cháu V đã thành niên và tự lập được. Khi ly hôn, chị Tvà anh T thỏa thuận giao cháu Phạm Thị Thanh T cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị T và anh T mỗi người phải nộp 50% tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000đ; chị T tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm thay cho anh T nên tiền án phí mà chị T phải nộp tổng cộng là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp; chị T được nhận lại 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai số 0002212 ngày 05/01/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân H